TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2020
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lê

Bà Hoàng Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Không tham gia.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị D; Sinh ngày 06/8/1992; Nghề nghiệp: Công nhân.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm P, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng).

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Dục; Sinh ngày 02/01/1989; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm P, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng).

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Bàn Thị D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D kết hôn với anh Trần Văn D từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã M), huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi con chung của anh chị được 02 tuổi thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân do chị đi làm xa, anh Dục nghi ngờ chị ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Ngoài ra anh Dục còn đánh đập chị Diệp nhiều lần, gia đình hai anh chị đã hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân. Hiện tại chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng khắc phục được, hai vợ chồng không thể tiếp tục cùng chung sống. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn giữa anh Trần Văn D.

- *Về con chung:* Chị D khai anh chị có một con chung tên Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2011. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị D xác nhận anh chị tự thỏa thuận chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các khoản nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và phiên hòa giải cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - anh D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh D xác nhận thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn đúng như chị D trình bày. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc. Theo anh D, đến năm 2015 thì tình cảm vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cũng do chị D đi làm xa nhà dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mặc dù đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Hiện tại anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục được. Chị D yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Diệp.

- *Về con chung:* Anh D khai anh, chị có một con chung tên Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2011. Sau khi ly hôn anh Dục yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh D xác nhận anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các khoản nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Bàn Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn D. Anh D có địa chỉ thường trú tại xóm A, xã B (nay là xóm P, xã M), huyện N, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh D kết hôn từ năm 2011, hôn nhân của anh chị được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2012 (số 02/2012) là hôn nhân hợp pháp được Nhà nước thừa nhận. Căn cứ lời khai của chị D và anh D thì trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D đi làm xa nhà dẫn đến cuộc sống giữa hai anh chị xảy ra cãi vã, không hòa hợp. Mặc dù đã cố gắng khắc phục và hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị D và anh D đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai anh chị không có khả năng khắc phục được. Hiện tại chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn giữa anh D, anh D đồng ý với yêu cầu của chị D. Xét thấy vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh D phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị D và anh Trần Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị D và anh D có một con chung tên Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2011. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị D, anh D đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến đủ

18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Theo bản tự khai ngày 11/3/2020 của cháu Trần Ngọc A tại Tòa án, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu A có nguyện vọng được chung sống cùng với mẹ Bàn Thị D. Xét thấy hiện nay cháu A đang sinh sống tại nhà của chị D nhưng chị D và anh D đều làm công việc xa nhà, có thu nhập, việc chăm sóc con chung chủ yếu do ông bà chăm sóc. Hội đồng xét xử nhận định để đảm bảo tâm sinh lý và sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con chung cũng như tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của cháu Trần Ngọc A cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Bàn Thị D. Ghi nhận ý kiến của chị D về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung:* Chị D và anh D đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về các khoản nợ chung: Không có.

[5] *Về án phí:* Chị Bàn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị D và anh Trần Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2012 do Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã M), huyện N, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 22/02/2012 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2011 cho chị Bàn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến đủ 18 tuổi và anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bác yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của anh Trần Văn D. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các khoản vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bàn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001267 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo quyền kháng cáo cho chị Bàn Thị D và anh Trần Văn D trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngôn Ngọc Viên